

Mô hình kinh tế Phật giáo: Ưu tiên hạnh phúc hơn sự trọng dụng vật chất

ISSN: 2734-9195 08:05 28/09/2025

Trong Phật giáo, việc trở thành một người giàu có không có gì đáng xấu hổ, miễn là của cải được tích lũy một cách có đạo đức. Trong thế giới ngày nay, nhiều cá nhân giàu có thành lập các quỹ và hoạt động từ thiện mang lại lợi ích cho hàng triệu người.

Tóm tắt:

Hiện tại, nền kinh tế toàn cầu thường đánh đồng tăng trưởng kinh tế với tích lũy vật chất, nhưng đạo Phật dạy rằng hạnh phúc và bản sắc đích thực không đến từ của cải vật chất đơn thuần. Thay vào đó, Phật giáo nhấn mạnh Triết lý Kinh tế “Đủ đầy”, đáp ứng nhu cầu của một người mà không dư thừa. Kinh tế học Phật giáo, được phát triển bởi các học giả đương đại, ưu tiên lòng từ bi hơn là cạnh tranh và thúc đẩy phúc lợi hơn là lợi ích vật chất đơn thuần.

Mô hình kinh tế thay thế bắt nguồn từ triết lý đạo Phật, nhấn mạnh các chỉ số như Tổng hạnh phúc quốc gia (Gross National Happiness là - GNH) và các chỉ số phúc lợi toàn diện khác. Một mô hình như vậy sẽ chuyển trọng tâm từ việc gia tăng của cải vật chất sang giải quyết những thách thức về thể chất và tinh thần mà nhân loại đang phải đối mặt.

Tổng hạnh phúc quốc gia (GNH) thường được căn cứ vào 4 yếu tố: quản trị tốt, phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo tồn văn hóa và bảo tồn môi trường. Bốn yếu tố chính này đã được phân loại thêm thành các lĩnh vực nhằm tạo ra sự hiểu biết rộng rãi về GNH và phản ánh phạm vi tổng thể của các giá trị GNH.



Hình minh họa tạo bởi AI

Giá trị Tổng Hạnh phúc Quốc gia (GNH) được đề xuất là một hàm chỉ số của tổng bình quân đầu người của các thước đo sau:

Lành mạnh hóa kinh tế: Được thể hiện thông qua khảo sát trực tiếp và đo lường thống kê các chỉ số kinh tế như nợ tiêu dùng, tỷ lệ thu nhập bình quân trên chỉ số giá tiêu dùng và phân phối thu nhập.

Lành mạnh hóa môi trường: Được thể hiện thông qua khảo sát trực tiếp và đo lường thống kê các chỉ số môi trường như ô nhiễm, tiếng ồn và giao thông.

Lành mạnh hóa thể chất: Được thể hiện thông qua phép đo thống kê các chỉ số sức khỏe thể chất như bệnh nặng.

Lành mạnh hóa tinh thần: Được thể hiện thông qua khảo sát trực tiếp và đo lường thống kê các chỉ số sức khỏe tâm thần như việc sử dụng thuốc chống trầm cảm và sự gia tăng hoặc suy giảm của bệnh nhân trị liệu tâm lý.

Lành mạnh hóa nơi làm việc: Được thể hiện thông qua khảo sát trực tiếp và đo lường thống kê các chỉ số lao động như đơn xin việc làm, thay đổi công việc, khiếu nại tại nơi làm việc và các vụ kiện.

Lành mạnh hóa xã hội: Được thể hiện thông qua khảo sát trực tiếp và đo lường thống kê các chỉ số xã hội như phân biệt đối xử, an toàn, tỷ lệ ly hôn, khiếu nại về xung đột trong gia đình và các vụ kiện gia đình, các vụ kiện công cộng, tỷ lệ tội phạm.

Lành mạnh hóa chính trị: Được thể hiện thông qua khảo sát trực tiếp và đo lường thống kê các chỉ số chính trị như mức độ dân chủ, tự do cá nhân và xung đột nước ngoài.

Mô hình này cũng ủng hộ việc hoạch định kinh tế tập trung vào tái tạo sinh thái và các nguyên tắc không gây hại. Các nguồn gốc từ Kinh điển Pāli là bộ tổng tập kinh điển tiêu chuẩn trong truyền thống Phật giáo Thượng tọa bộ, được bảo tồn bằng ngôn ngữ Pāli, cùng với các nghiên cứu gần đây của các học giả Phật giáo, đóng vai trò là tài liệu tham khảo chính cho nghiên cứu này.

Trong một thế giới ngày càng kết nối, nền kinh tế của các quốc gia đang dần hội nhập với Toàn cầu hóa thị trường (tiếng Anh: Globalization of Market). Khi làm như thế, kinh điển Phật giáo và tư tưởng kinh tế học Phật giáo đương đại đưa ra hướng dẫn có giá trị để xây dựng một mô hình kinh tế cấp tiến, dựa trên các giá trị phù hợp với bối cảnh văn hóa xã hội độc đáo của quốc gia.

Phần mở đầu

Trong ngành khoa học kinh tế hiện đại, sự thịnh vượng chủ yếu được đo lường bằng tiền tệ và vật chất. Thành công thường được định nghĩa bằng thu nhập, lợi nhuận, tài sản và tiêu dùng. Chủ nghĩa tiêu dùng được coi là động lực của tăng trưởng kinh tế, với các nhà kinh tế và giới kinh doanh dựa vào quảng cáo để khơi dậy ham muốn và sự bất mãn nhằm duy trì nhu cầu. Các số liệu như Tổng sản phẩm quốc nội (GDP), Biên lợi nhuận (Profit Margin), một chỉ số tài chính phản ánh tỷ lệ lợi nhuận thu được so với doanh thu, thường được biểu thị dưới dạng phần trăm và tích lũy vốn chi phối việc đánh giá thành công kinh tế. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới, trong bối cảnh của Nepal, Nepal đang trải qua một quá trình chuyển đổi lịch sử sang một nền cộng hòa liên bang và thế tục. Đây là cơ hội để đất nước tiếp tục giảm nghèo, tăng thu nhập cho 40% dân số có thu nhập thấp nhất và theo đuổi chương trình nghị sự đầy tham vọng về tăng trưởng toàn diện và cung cấp dịch vụ có trách nhiệm. Tăng trưởng kinh tế của Nepal đã tăng tốc trong nửa đầu năm tài chính 2025 (H1FY2025).

Thực tế cho thấy GDP tăng 4,9% trong H1FY2025, tăng so với mức 4,3% trong H1FY24, chủ yếu nhờ sự tăng trưởng của khu vực nông nghiệp và công nghiệp, mặc dù sự chậm lại của khu vực dịch vụ đã phần nào bù đắp cho sự gia tăng này. Sự tăng tốc này diễn ra bất chấp thiên tai và gián đoạn du lịch. Lũ lụt và lở đất gây thiệt hại tương đương 0,8% GDP, ảnh hưởng nghiêm trọng đến cơ sở hạ tầng, nông nghiệp và các dịch vụ xã hội. Hơn nữa, việc nâng cấp Sân bay quốc tế Tribhuvan (KTM) đang diễn ra tại Thủ đô Kathmandu, khởi động vào tháng 11 năm 2024, đã dẫn đến những gián đoạn lớn trong ngành du lịch, với việc giảm

giờ hoạt động và tăng giá vé do không có sân bay quốc tế thay thế. (Nhóm Ngân hàng Thế giới, *Bản tin phát triển Nepal tháng 4 năm 2025 (Tập dụng khả năng phục hồi và thực hiện cải cách để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế).*)

Mặt khác, theo quan điểm Phật giáo các nhà kinh tế học đã phát triển các mô hình ưu tiên lòng từ bi hơn là cạnh tranh. Những mô hình này thúc đẩy việc vun đắp sự giàu có nội tâm, trí tuệ, chính niệm, lòng từ bi và sự chính trực đạo đức bên cạnh sự thịnh vượng vật chất bên ngoài. Họ coi trọng thời gian, các mối quan hệ và sự bình an nội tâm hơn lợi ích tài chính đơn thuần.

Kinh tế học Phật giáo thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp có đạo đức, bền vững và có mục đích, đồng thời hỗ trợ các hệ thống kinh tế dựa trên sự công bằng, phẩm giá và quản lý môi trường. Các nhà kinh tế học Phật giáo thách thức những giả định cốt lõi của chủ nghĩa tư bản hiện đại và đưa ra một khuôn khổ từ bi, toàn diện và đạo đức tập trung vào sự thịnh vượng của con người và sự hài hòa sinh thái. (Payutta, 1994)

Vấn đề của thời đại ngày nay là ở chỗ, trong hệ thống nền kinh tế thị trường hiện đại, tăng trưởng thường được theo đuổi bằng cách đánh đổi sức khỏe môi trường và phúc lợi con người. Lao động thường được xem là phương tiện để đạt được lợi nhuận, địa vị hoặc sự sống còn. Nhiều ngành công nghiệp phát triển mạnh nhờ khai thác cả sức lao động và thiên nhiên, coi thế giới tự nhiên như một loại hàng hóa để khai thác. Chi phí môi trường thường bị chi phối bởi các mô hình kinh tế bỏ qua sự kết nối của mọi sự sống. Phong trào kinh tế hiện đại cho thấy tác động đến các khía cạnh khác của đời sống con người như những thay đổi xã hội, đô thị hóa nhanh chóng, quan điểm đạo đức, v.v.

Mục đích của bài nghiên cứu là phân tích những triết lý kinh tế học Phật giáo có thể khuyến khích xây dựng một mô hình kinh tế cấp tiến lấy cảm hứng từ Phật giáo trong thế giới thời đại ngày nay.

Kinh điển thuộc ngôn ngữ Pāli là nguồn dữ liệu chính cho nghiên cứu này. Các nguồn dữ liệu thứ cấp bao gồm kinh điển Phật giáo và các công trình nghiên cứu đương đại về kinh tế học từ góc nhìn Phật giáo. Những nguồn này cung cấp nền tảng cho việc tái định hình kinh tế học không chỉ là con đường tích lũy cá nhân mà còn là hành trình hướng tới sự giải thoát tập thể.

Phân tích mô tả về triết lý kinh tế cốt lõi của Phật giáo và tác động tích cực của chúng đối với nền kinh tế cường thịnh.

Lý do của việc áp dụng các mô hình kinh tế lấy cảm hứng từ các nguyên lý Phật giáo bởi nó có thể thúc đẩy sự giản dị, điều độ và tiêu dùng có chính niệm,

mang đến một giải pháp thay thế cho các chính sách nhằm thúc đẩy tổng cầu trong thời kỳ suy thoái. Triết lý đạo Phật có thể cung cấp một mô hình Kinh tế tuần hoàn, mô hình kinh tế mới dựa trên nguyên lý cơ bản “mọi thứ đều là đầu vào đối với thứ khác”, hoàn toàn không giống với cách nhìn của nền kinh tế tuyến tính truyền thống, vừa mang lại nền kinh tế cường thịnh, vừa cứu thế giới hiện đại khỏi nhiều tác động tiêu cực do sự phát triển kinh tế hiện đại gây ra, bao gồm suy thoái môi trường, sự suy giảm về chất lượng, số lượng của thành phần môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên, bất bình đẳng gia tăng và mất cân bằng xã hội, ô nhiễm và cạn kiệt tài nguyên, bóc lột lao động.

Tổng quan tài liệu lịch sử

Tác giả “Buddhist Economics” (Kinh tế học Phật giáo), Giáo sư Ernst Friedrich Schumacher (1911-1977), nhà thống kê và kinh tế người Anh gốc Đức và tư tưởng lỗi lạc, đã giới thiệu khái niệm “Buddhist Economics” (Kinh tế học Phật giáo) trong bài luận có ảnh hưởng của ông được đăng trên tạp chí Resurgence năm 1968. Ấn phẩm này được biết đến với trọng tâm là phi tập trung hóa, Thay đổi lối sống - Thay đổi cuộc đời và tư duy sinh thái.

Trong bài luận của mình, Giáo sư Ernst Friedrich Schumacher đã thách thức nền tảng của nền kinh tế tư bản bằng cách chuyển trọng tâm từ tăng trưởng tài chính sang phúc lợi cá nhân. Ông lập luận rằng các hệ thống kinh tế nên phục vụ nhu cầu của con người thay vì biến con người thành các đơn vị sản xuất và tiêu dùng. Trọng tâm trong triết lý của ông là ý tưởng rằng lao động không chỉ là một chi phí, mà là một hoạt động có ý nghĩa, thiết yếu cho sự hoàn thiện bản thân, cân bằng tâm lý và hòa nhập xã hội.



Hình minh họa tạo bởi AI

Giáo sư Ernst Friedrich Schumacher sinh tại thành phố Bonn, nước Đức năm 1911 (cùng năm xảy ra cuộc Cách Mạng năm Tân Hợi ở Trung Hoa, lật đổ vương triều Trung Hoa Đại Thanh Quốc). Thân phụ là Giáo sư Hermann Schumacher chuyên dạy về môn Kinh tế học tại nhiều trường Đại học ở Đức, kể cả tại thủ đô Berlin vào hồi đầu thế kỷ XX. Thân mẫu là Bà Edith Zitelmann, một tài năng về toán học. Trong chỗ thân mật Giáo sư Ernst Friedrich Schumacher thường được gọi là Fritz. Với cha mẹ như vậy, nên người ta không ai ngạc nhiên về sự thông minh xuất chúng của Fritz là một học sinh luôn luôn đứng vào hàng đầu trong các lớp học. Lại nữa, Fritz còn được thụ giáo với các bậc đại sư nổi danh khắp thế giới như Joseph Schumpeter gốc Áo quốc, như John Maynard Keynes bên Anh quốc...

Là một sinh viên xuất sắc, nên Fritz đã được học bổng Rhodes Scholar để theo học tại New College, Đại học Oxford hồi đầu thập niên 1930, và lại được tiếp tục theo học tại Mỹ trong ngành kinh tế tài chính. Sau thời gian ngắn làm việc tại Đức, Fritz không thể chấp nhận đường lối độc tài phát xít của Adolf Hitler (1889-1945), nên đã sang làm việc bên Anh quốc ít lâu trước khi thế chiến thứ hai xảy ra năm 1939. Lúc đầu khi mới nổ ra cuộc chiến, vì là công dân Đức nên Fritz cũng bị đối xử rất ngặt nghèo như là kẻ thù địch và bị xếp vào loại người bị cô lập trong một trại tập trung rất khắc nghiệt. Nhưng sau ít lâu, thì cũng được các bạn hữu giải thoát ra khỏi tình trạng quản chế này và được trao phó cho công việc thích hợp với khả năng chuyên môn của một kinh tế gia.

Chiến tranh chấm dứt, Fritz nhờ đã có quốc tịch Anh, nên được phái sang Đức với nhiệm vụ làm cố vấn kinh tế cho phái bộ Anh đặc trách về vấn đề bình định và tái thiết trong khu vực thuộc quyền quản lý của quân đội nước Anh tại Đức (1946-1950) và một nhiệm kỳ dài hạn tại Ủy ban Than Quốc gia (NCB), một tập đoàn theo luật định được thành lập để điều hành ngành công nghiệp khai thác than quốc hữu hóa tại Vương quốc Anh. Vì được chứng kiến tận mắt những tàn phá mất mát của bà con ruột thịt với mình, nên Fritz đã ngày đêm miệt mài tìm cách xây dựng lại hệ thống quản lý và phân phối ngành năng lượng, chủ yếu là than đá vốn là huyết mạch của sự phục hồi kỹ nghệ tại nước Đức, cũng như tại toàn bộ các nước thuộc miền Tây Âu châu.

Tuy nhiên, một khoảnh khắc chuyển mình trong cuộc đời Giáo sư Ernst Friedrich Schumacher xảy ra vào năm 1955 khi ông được bổ nhiệm làm cố vấn phát triển kinh tế cho chính phủ Miến Điện (nay là Myanmar). Được giao nhiệm vụ giới thiệu các mô hình kinh tế theo phong cách phương Tây, thay vào đó, ông nhận thấy rằng người Miến Điện đã có một hệ thống kinh tế phù hợp với bối cảnh văn

hóa, xã hội và môi trường của họ, một hệ thống không ưu tiên các định nghĩa của phương Tây về tăng trưởng hay tiến bộ. Mối quan hệ của Giáo sư Ernst Friedrich Schumacher với các nhà sư Phật giáo Miến Điện đã ảnh hưởng sâu sắc đến tư duy của ông, dẫn đến sự phát triển của Kinh tế học Phật giáo, một triết lý kết hợp các giá trị tâm linh với các nguyên tắc kinh tế. Những ý tưởng của ông sau đó được tổng hợp trong cuốn sách nổi tiếng năm 1973, *Nhỏ là Đẹp* (Small Is Beautiful), một tập hợp các bài tiểu luận được viết vào những năm 1950 và 1960.

Nhỏ là Đẹp (Small Is Beautiful), cuốn sách dành cho tất cả những nhà lãnh đạo, chủ doanh nghiệp, người làm kinh doanh hay bất cứ ai đang quan tâm tới sự sống còn và phát triển bền vững của nền kinh tế. Cuốn sách đưa ra những lập luận vững chắc để đẩy lùi chủ nghĩa tiêu dùng.

Những quan niệm của kinh tế hiện đại xem tiêu thụ là mục tiêu cuối cùng và duy nhất cho tất cả mọi hoạt động kinh tế. Vì thế, đa số doanh nghiệp đã dùng mọi phương thức để kích thích lòng tham con người. Thực trạng này đang diễn ra tại nhiều nơi, làm đảo lộn lối sống, đánh tráo nội hàm các giá trị, tạo ra sự khủng hoảng xã hội và để lại những hậu quả làm xói mòn niềm tin, gia tăng sự vô cảm...

Giáo sư Ernst Friedrich Schumacher đã pha trộn tất cả những điều này lại để tạo ra một tác phẩm có sức sống và độc đáo tuyệt vời. Ông đã lập luận và chỉ ra sai lầm cơ bản của toàn bộ lối sống công nghiệp chính là cách mà chúng ta tiếp tục coi thu nhập là vốn tài nguyên tự nhiên không thể thay thế.

Phiên bản viết lại của bài tiểu luận “Kinh tế học Phật giáo” (Buddhist Economics) gốc của ông được trình bày nổi bật trong tập sách này. Cuốn sách đã trở thành nền tảng của tư tưởng phản văn hóa những năm 1970, thúc đẩy các chủ đề như phi tập trung hóa, tính bền vững và phát triển quy mô con người. Giáo sư Ernst Friedrich Schumacher ủng hộ các công nghệ và hệ thống quy mô nhỏ, phù hợp với địa phương, ưu tiên con người hơn lợi nhuận. Ông phê phán sự ám ảnh với sản xuất hàng loạt và chủ nghĩa tiêu dùng, thay vào đó đề xuất một mô hình kinh tế dựa trên giá trị, tập trung vào sự hài lòng có được từ công việc có ý nghĩa và xứng đáng. Tầm nhìn của ông về kinh tế học, bắt nguồn từ các giá trị đạo đức và tâm linh, vẫn là một lựa chọn thay thế mạnh mẽ cho các mô hình hiện đại, hướng đến tăng trưởng và tiếp tục truyền cảm hứng cho những người tìm kiếm các hệ thống kinh tế bền vững và nhân văn hơn. (Trích từ <https://thereader.mitpress.mit.edu>buddhist-economics>)

Các nhà lãnh đạo Vương quốc Phật giáo Bhutan đã đưa ra khái niệm khái niệm Tổng Giá Trị Hạnh Phúc Quốc Gia (Gross National Happiness - GNH) thay

vì Tổng giá trị Sản Phẩm Quốc Gia (Gross National Product - GNP), và đây là một phương cách mới để đo lường hạnh phúc chân thật, sự giàu có và sự lành mạnh của một quốc gia, bởi theo Quốc vương Jigme Singye Wangchuck, người đưa ra khái niệm GNH, ông cho rằng GDP chưa chắc mang lại hạnh phúc cho người dân mà hạnh phúc chính là sự phát triển nhằm vào sự tăng tiến giá trị đời sống nhưng vẫn bảo tồn được thiên nhiên và văn hóa, chứ không phải nằm ở số lượng vật chất sản xuất và tiêu thụ!

Trong khi các nhà kinh tế và các nhà lãnh đạo thế giới đang tìm kiếm một giải pháp thay thế cho hệ thống kinh tế hiện tại, mà họ tin rằng đã gây ra cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 cùng nhiều thảm họa khác, thì vương quốc nhỏ bé Bhutan đang đề xuất một phương pháp tiếp cận kinh tế theo Phật giáo, viện dẫn những lo ngại vượt ra ngoài sức khỏe tài chính của một quốc gia. Vương quốc Phật giáo Bhutan là quốc gia duy nhất trên thế giới đo lường sự tiến bộ của mình bằng “tổng hạnh phúc quốc gia” hay GNH, trái ngược với GDP. Các vị quốc vương Phật giáo Bhutan và các quốc gia Phật giáo khác đã nỗ lực đưa khái niệm này vào ứng dụng.

Trong một cuộc phỏng vấn vào tháng 4 năm 2013, Tiến sĩ Saamdu Chetri, Giám đốc điều hành của Trung tâm GNH, đã được nhà Vua và gia đình Hoàng gia yêu cầu giúp thực hiện chủ trương của GNH cho Bhutan, với mục đích *“thể hiện và đưa triết lý về Tổng Hạnh phúc Quốc gia vào thực tiễn cuộc sống”*, đã thừa nhận mối liên hệ giữa Phật giáo và GNH. Tiến sĩ Saamdu Chetri nói, *“‘Chính Mạng (Sinh kế đúng đắn)’ (một khía cạnh quan trọng của Bát Chính Đạo của Đức Phật) và GNH rất liên quan,”* và nhắc đến bằng cấp về *“Chính Mạng (Sinh kế đúng đắn)”* do trường Schumacher College ở Vương quốc Anh cấp, được đặt theo tên của Giáo sư Ernst Friedrich Schumacher, người đã đặt ra thuật ngữ Kinh tế học Phật giáo (tiếng Anh: Buddhist economics) là một cách tiếp cận của Phật giáo đối với kinh tế học. (trích từ <https://english.religion.info/2016/.../23/bhutan-should-economists-ask-what-would-bu.>)

Sau năm 1997 là một dấu mốc không thể nào quên trong lịch sử kinh tế châu Á nói chung và Thái Lan nói riêng. Cuộc khủng hoảng tài chính bắt đầu tại Thái Lan đã nhanh chóng lan rộng khắp khu vực, để lại hậu quả nặng nề và trở thành một ví dụ kinh điển về những rủi ro của tăng trưởng kinh tế thiếu bền vững, vốn đã tác động tiêu cực nặng nề đến Thái Lan, Cố Quốc vương Bhumibol Adulyadej (Rama IX, 1927-2016), vị vua trị vì lâu nhất của thế giới, nổi tiếng là một người tài năng, một chính trị gia quyền lực và được coi là biểu tượng của sự gắn kết dân tộc Thái Lan đã đề xuất vào những thập niên 1970 “Triết lý kinh tế vừa đủ” (SEP) như một cách để đưa Thái Lan thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế. Ý

tưởng là tất cả người Thái nên sống một cuộc sống đủ ăn, trong khi vẫn dựa vào nền kinh tế của chính mình, “Triết lý kinh tế vừa đủ” (SEP) này nhằm định hướng lối sống và hành vi của người Thái, giúp họ có thể hưởng lợi tối đa từ sự phát triển của đất nước một cách công bằng, toàn diện và bền vững. “Triết lý kinh tế vừa đủ” (SEP) kêu gọi nghiên cứu và phát triển về cải tạo đất và cây trồng, với nỗ lực sản xuất đủ cho nhu cầu tiêu dùng của chính người dân Thái Lan trước tiên. Là một quốc gia được cai trị theo các giá trị Phật giáo, “Triết lý kinh tế vừa đủ” (SEP) nhấn mạnh con đường trung đạo như một nguyên tắc tối thượng cho hành vi ứng xử phù hợp của người dân ở mọi cấp độ. Với “Triết lý kinh tế vừa đủ” (SEP), việc tạo ra của cải vật chất không phải là mục tiêu cuối cùng. Thay vào đó, mục tiêu cuối cùng là tạo ra những cộng đồng tự cung tự cấp, lành mạnh với môi trường, trong đó các nhu cầu cơ bản của con người được đáp ứng thông qua các phương pháp sản xuất tự nhiên tại địa phương. (trích từ <https://www.eurasiareview.com/27102016-thailand-suficiency-economics-king-bhum>.)

Việc Chủ nghĩa tư bản (capitalism) là hệ thống chính trị, kinh tế và xã hội mà trong đó phần lớn tài sản, kể cả tài sản dùng trong sản xuất, thuộc sở hữu tư nhân thiếu nền tảng đạo đức được cho là điểm không tương thích lớn nhất của nó với Phật giáo. Đạo đức là yếu tố thiết yếu và không thể thiếu trong giáo lý đạo Phật, nhưng trong các nền kinh tế tư bản thuần túy, mặc dù các tác nhân trong hệ thống dường như có động cơ đạo đức, nhưng động lực cơ bản vẫn là lợi nhuận. Giáo lý đạo Phật có thể được sử dụng để củng cố chính niệm hoặc nhận thức về hành động của cá nhân mỗi người. Chúng cũng có thể nhân đôi quyết tâm và động lực của một người khi lời khuyên từ kinh điển đi ngược lại với các chuẩn mực văn hóa kinh doanh là một hệ thống giá trị, niềm tin và hành vi được chia sẻ và thừa nhận bởi các cá nhân và tổ chức trong môi trường kinh doanh (Claralynn, 2018).

Alexandrin, G và Dhammajoti, B (2015) đã tuyên bố rằng việc ra quyết định theo Phật giáo sẽ dẫn đến hiệu suất kinh tế thỏa đáng hơn. Cuối cùng trong phân tích các hệ thống kinh tế thất bại, không chỉ vì nó không thể tạo ra đủ bánh mì hoặc lúa mì, mà còn vì chúng chỉ mù quáng theo đuổi những ham muốn. Họ cho rằng Kinh tế học được cho là vừa đạo đức vừa hữu ích. Nền Kinh tế học Phật giáo có thể giúp chúng ta ứng phó với tình hình hiện tại và tương lai, đồng thời có thể phản ánh mối quan tâm của dân số thế giới đang ngày càng gia tăng.

Hoạt động Kinh tế theo triết lý của đức Phật

Phân tích mô tả triết lý kinh tế học Phật giáo, trong mục này dựa trên nguồn dữ liệu gốc, đó Kinh điển thuộc ngôn ngữ Pāli.

Triết lý đạo Phật dạy rằng sự bám víu vào của cải vật chất không dẫn đến hạnh phúc hay bản sắc đích thực. Phật giáo chủ trương nguyên tắc đủ đầy, không dư thừa. Khái niệm Duyên khởi (Pratityasamutpada) của Phật giáo nhấn mạnh sự phụ thuộc lẫn nhau của tất cả chúng sinh, nhấn mạnh sự hợp tác hơn là cạnh tranh.

Theo quan điểm Phật giáo, hạnh phúc nảy sinh thông qua sự quan tâm lẫn nhau và chia sẻ tài nguyên, thay vì không ngừng theo đuổi Lãi về vốn (Capital gain) là sự gia tăng giá trị của một tài sản vốn (khoản đầu tư hoặc bất động sản) mang lại cho tài sản giá trị cao hơn giá mua ban đầu.

Nhìn lại lịch sử của các phong trào kinh tế hiện đại, chúng ta thấy những bước phát triển quan trọng như Cách mạng Công nghiệp, sự bùng nổ kinh tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai, toàn cầu hóa và sự xuất hiện của các cường quốc kinh tế mới, những tiến bộ công nghệ, chuyển đổi trong giao thông vận tải và truyền thông, cũng như những thay đổi đáng kể về thể chế và sự gia tăng kết nối toàn cầu.

Trong khi đưa ra ví dụ về “hợp tác hơn là cạnh tranh”, thì *Catu Brahma Vihara* (tứ vô lượng tâm) bốn phẩm hạnh cao thượng mà các vị Bồ tát phải thực hành trong đời hành đạo của mình để đạt đạo quả cao gồm có bốn tâm: Tâm Từ (metta), tâm Bi (Karuna) Tâm Hỷ (mudita) và tâm Xã (Upekkha), thậm chí còn phù hợp hơn.

Kinh điển Pāli, bộ tổng tập kinh điển tiêu chuẩn trong truyền thống Phật giáo Thượng tọa bộ, được bảo tồn bằng ngôn ngữ Pāli cung cấp những hiểu biết sâu sắc về hành vi kinh tế có đạo đức và chính niệm. Các chủ đề chính bao gồm sự nguy hiểm bởi lòng tham tham, khao khát vượt lên quy chuẩn, trái với khuôn khổ hoặc những gì xứng đáng được nhận và sự vướng mắc, tầm quan trọng của tấm lòng rộng lượng, vị tha, biết đặt hoàn cảnh, tâm trạng, tình cảm của người khác vào mình và lòng từ bi, việc theo đuổi một cuộc sống viên mãn vượt ra ngoài của cải vật chất. Thay vì khuyến khích việc tích lũy của cải, những kinh điển này nhấn mạnh đến một cuộc sống điều độ, giản dị và đóng góp cho hạnh phúc của người khác.

Những Giáo Lý Chính Yếu được chọn lọc từ Kinh điển thuộc ngôn ngữ Pāli

1. Kinh Chuyển pháp luân (chữ Phạn:



, *Dharmacakrapravartana Sūtra*)

Một trong những giáo lý cơ bản và quan trọng của Phật giáo là Bát Chính đạo (con đường tám nhánh - Trung đạo), chứa đựng trong bài kinh Chuyển pháp luân - bài pháp đầu tiên của Đức Phật. Bài pháp trở thành tâm điểm chú ý, trong đó, ý nghĩa về thái độ bao dung, khoan hòa, tránh xa những cực đoan hay thái quá (anta). Điều này dường như vẫn là một vấn đề thời sự, giúp cho chúng ta tỉnh thức trước những cám dỗ của cuộc sống đương thời, nhằm tìm kiếm một cuộc sống thanh thản và yên bình. Bài kinh nền tảng này phác họa giáo lý Trung Đạo của Đức Phật, tránh xa các cực đoan của dục lạc và khổ hạnh. Bài kinh nhấn mạnh tầm quan trọng của sự cân bằng trong mọi khía cạnh của cuộc sống, bao gồm cả các hoạt động kinh tế.

2. Kinh Thánh cầu (Ariyapariyesanā sutta)

Bài kinh này bàn về khái niệm tầm cầu cao quý, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tìm kiếm chân lý và giải thoát khỏi những nỗi khổ niềm đau. Bài kinh cảnh báo rằng việc tập trung vào lợi ích vật chất sẽ dẫn đến bất mãn và chấp thủ, sự lầm lạc, ngu si lầm chấp cái không thật có mà cho là có thật, trong khi việc theo đuổi trí tuệ và lòng từ bi mang lại sự viên mãn đích thực.

3. Kinh Mâu Ni - một Kinh trong Kinh Tập (Sutta-Nipāta)

Kinh Mâu Ni - một Kinh trong Kinh Tập (Sutta-Nipāta) thuộc về bộ kinh cổ nhất trong các kinh và được giữ lại dưới hình thức thi kệ (verse) vì thi kệ có thể dễ dàng học thuộc và truyền tụng từ thế hệ này sang thế hệ khác, điều mà văn xuôi khó làm hơn. Vì vậy những Kinh cổ nhất là những Kinh truyền tụng được giữ lại dưới hình thức thi kệ. Sau này, những kinh viết bằng văn trường hàng là do người ta căn cứ vào những thi kệ để làm ra trở lại thành thể văn xuôi. Bài kinh này ca ngợi đức hạnh của bậc “Năng nhân, long nhân từ” (Mâu Ni) - bậc hiền triết đã thoát khỏi những ràng buộc thế gian, bao gồm cả của cải vật chất.

Bài kinh này chủ trương một cuộc sống dựa trên sự Hỷ xả, Hỷ là tự mình hoan hỷ làm việc thiện, thấy người khác làm việc thiện cũng phát tâm tùy hỷ.

Xả là xả bỏ, tất cả sự chướng ngại giải thoát của thân tâm đều buông xả hết, Tâm tĩnh lặng thì Tuệ mới khởi sinh, Tâm là gốc của mọi sự. Cảnh vật bên ngoài chỉ là tấm gương phản chiếu trạng thái bên trong và tuệ giác tâm linh.

4. Kinh Đại Phúc Đức (Mahamangala Sutta) và Kinh Huỷ Diệt (Parabhava Sutta)

Những kinh điển này tạo thành nền tảng đạo đức cho người hành trì tại gia, nhấn mạnh việc tránh xa các hành vi gây hại và vun trồng các phẩm chất tích cực. Chúng đề cao các giá trị như lòng quảng đại, đáp ứng nhu cầu của quảng đại quần chúng, lòng tốt, những hành động, việc làm cao đẹp xuất phát từ tấm lòng nhằm giúp đỡ người khác. Người có lòng tốt sẵn sàng cảm thông, chia sẻ; luôn nhường nhịn, hy sinh; không bao giờ tranh giành quyền lợi hay ghen ghét, đố kỵ, cũng không nghĩ xấu, nói xấu cho ai và sự trung thực, trung thành, tôn trọng sự thật, đặc biệt là trong kinh tế và ứng xử xã hội.

5. Tứ Diệu Đế (The Four Noble Truths)

Tứ Diệu Đế gồm: Những đối tượng hay sự bận tâm của tâm sinh lên rồi diệt đi - đó là Khổ đế.

Hành vi tinh thần mê lầm, đi vào và chiếm hữu những đối tượng ấy - đó là Tập đế (nguyên nhân của khổ).

Hành vi tinh thần hướng tâm vào những đối tượng ấy và quan sát chúng khi chúng sinh lên rồi diệt đi - đó là Đạo đế.

Hành vi tinh thần buông bỏ những đối tượng ấy khi chúng sinh lên và diệt đi - đó là Diệt đế, tức là sự hỷ xả, hay giải thoát - là tâm biết được thực tại không sinh cũng không diệt. Đây chính là Tứ Diệu Đế.

Những giáo lý cốt lõi này vạch trần bản chất của khổ đau và con đường dẫn đến sự chấm dứt khổ đau. Giáo lý này xác định sự bám víu vào của cải vật chất và dục vọng thế gian là nguồn gốc của khổ đau, đồng thời đề cao sự hỷ xả, chính niệm và lòng từ bi là con đường dẫn đến giải thoát.

6. Kinh Hồ Kỉnh Dighajanu (Vyagghapajja) Sutta: sự giàu có về tài sản vật chất và tài chính và Hạnh phúc

Trong Kinh Hồ Kỉnh Dighajanu (Vyagghapajja) Sutta, đức Phật dạy về những phương pháp thực hành căn bản và thiết thực để xây dựng một đời sống hạnh phúc: có nghề nghiệp giỏi để kinh tế gia đình được ổn định; biết hiếu dưỡng cha mẹ và nuôi nấng vợ con, gia đình sẽ được hạnh phúc; thực hành bố thí thì kết quả có được cuộc sống giàu có; và thân cận với bạn lành giúp phát triển đạo đức và trí tuệ. Khuyến những gia chủ giàu có cách quản lý tài sản một cách khôn ngoan để bảo tồn và phát triển bền vững. Tuy nhiên, Ngài cũng cảnh báo rằng chỉ riêng tài sản không làm nên một con người hoàn thiện hay tạo nên một xã hội hòa hợp. Lòng ham muốn giàu có không được kiểm soát có thể dẫn đến sự bất an, bất mãn và trì trệ về mặt tinh thần. Hơn nữa, dùng hạnh Bố thí để chuyển hoá tham lam trở thành lòng cứu giúp, không chế ngự được lòng tham

sẽ gây ra xung đột xã hội và oán giận giữa những người yếu thế, làm suy yếu sự gắn kết xã hội.

Kinh Dighajanu (Kinh Dīghajāṇu, hay còn gọi là Kinh Vyagghapajja, thuộc Tăng Chi Bộ Kinh 8.54), Đức Phật đã dạy cho các cư sĩ - những người sống trong xã hội, có gia đình, công việc - cách để có một cuộc sống hạnh phúc, thịnh vượng về tài chính và tinh thần. Ngược lại, đối với các tu sĩ xuất gia, Ngài giảng về sự buông bỏ vật chất để đạt đến sự giải thoát tối thượng.

Điều này cho thấy Đạo Phật không phải là một hệ tư tưởng áp đặt một kiểu sống duy nhất cho tất cả mọi người, mà là một hệ thống linh hoạt, phù hợp với từng đối tượng

1) Cư Sĩ - Sống Giữa Đời Nhưng Vẫn Hướng Thiện

Người cư sĩ là những phật tử sống giữa xã hội, có gia đình, sự nghiệp, và các mối quan hệ.

Họ không cần từ bỏ vật chất, nhưng phải biết cách làm giàu và sử dụng tiền bạc một cách có đạo đức.

Đức Phật dạy rằng một người cư sĩ tốt phải có bốn điều kiện để thịnh vượng (Tứ sự lợi ích, hay còn gọi là “tứ phúc báu của cư sĩ”) như sau:

- Uy tín (uṭṭhānasampadā): Siêng năng, tháo vát, giỏi chuyên môn.
- Giữ gìn tài sản (ārakkhasampadā): Quản lý tài chính hợp lý, không tiêu xài hoang phí.
- Kết giao bạn tốt (kalyāṇamittatā): Chọn bạn để chơi, hợp tác với những người có đạo đức.
- Sống có đạo đức (sama-jīvikatā): Tránh xa những thói hư tật xấu như cờ bạc, rượu chè, trụy lạc.

2) Người Tu Sĩ - Hướng Đến Giải Thoát

Khác với cư sĩ, những người xuất gia đi theo con đường buông xả hoàn toàn vật chất, không sở hữu tài sản riêng, không làm kinh tế, và tuân theo hơn 200 điều giới luật.

Mục tiêu của họ là đạt được sự giác ngộ, giải thoát khỏi khổ đau của luân hồi. Do đó, họ thực hành thiểu dục tri túc (biết đủ), không tham cầu vật chất, và hoàn toàn sống nhờ sự cúng dường của cư sĩ.

- Tạo dựng của cải do khéo léo và nỗ lực nghiêm túc (方便具足; utthana-sampada).

Utthana Sampada - Khi khuyến khích tạo dựng của cải, Đức Phật nhắc nhở đến sáu công việc thịnh hành lúc bấy giờ:

1. Nông nghiệp
2. Thương mại
3. Chăn nuôi trâu bò
4. Quốc phòng
5. Công chức
6. Dịch vụ

Ấn Độ là một xứ nông nghiệp chiếm ưu thế. Cho nên trong các bài thuyết giảng nói đến nông nghiệp. Chẳng hạn trong Kinh Sadapunnappava-ddhana, có ghi cung cấp phương tiện dễ dàng tiến dẫn thủy nhập điền luôn có công đức.

Trong Kinh Samyutta Nikaya ghi nhận tài sản vĩ đại nhất cho nông nghiệp là trâu bò, trong khi Kinh Nipatta, trâu bò cho con người sữa, bơ lỏng, sữa đông đặc, bơ và sữa nước, nhiều dinh dưỡng giá trị, được mô tả như những người bạn tốt nhất của xứ sở. Trong những nước đang phát triển, nước và năng lượng lấy ra do trâu bò cung cấp là những nhu cầu căn bản cho nông nghiệp.

- Bảo vệ của cải và tiết kiệm (Arakkha Sampada), bảo vệ tài sản khỏi bị trộm cắp và thảm họa.

- Người bạn đạo lý tưởng (kalyana-mittata), là mẫu người mang đủ bảy phẩm tính:

(1) Dễ mến (piya): Người dễ mến, có đức hạnh, chân thật, sẵn sàng giúp đỡ người khác.

(2) Được kính trọng (garu): Người có tâm trong sạch, có trí tuệ, thánh trí, hơn người thường. Có trí tuệ, biết đúng sai, nên có khả năng dạy người khác đi trên chánh đạo.

(3) Được người khác dùng làm đối tượng để rải tâm từ ái (bhavaniya): Do kết quả từ hai đức tính dễ mến và kính trọng, nên người này được người khác rải tâm từ.

(4) Có khả năng chỉ lỗi cho người khác để xây dựng (vattāra): Thay vì ngó lơ, người này có tâm ý thiện, chỉ giúp lỗi lầm, để giúp người được tốt đẹp.

(5) Có khả năng nhẫn nhục khi bị phê bình (vasanakkama): Không ngã mạn nghĩ mình là vị thầy khi bị phê bình. Dám chấp nhận để sửa sai.

(6) Có khả năng dạy những điều thâm sâu trong Giáo Pháp (gambhira katham): Giảng dạy Thiền Tứ Niệm Xứ về cả hai lý thuyết và thực hành. Khả năng giảng dạy một cách đơn giản cho người khác hiểu được nghĩa lý thâm sâu của Giáo Pháp.

(7) Không lợi dụng bạn hay học trò để được lợi cho cá nhân (atthane no sa ni yogita).

Một người bạn đạo hội đủ 7 phẩm tính như vậy sẽ có khả năng giúp cộng đồng, xã hội có được những thành viên đầy đủ trí đức hơn người bình thường.

Người này cũng là một gương mẫu để người khác noi theo, đồng thời cũng chỉ dạy được người khác trở thành người tốt đẹp.

Và như vậy họ có thể làm cho gia đình, xã hội, quốc gia, và thế giới được an vui hạnh phúc, không bị đau khổ trong vòng luân hồi vô tận.

- Chi tiêu trong khuôn khổ lợi tức (sama-jivikata), tránh xa hành vi sai trái với phụ nữ, lạm dụng rượu, bia và ma túy là các chất gây nghiện, cờ bạc và kết bạn xấu. Cần thiết lập cho mình một lối sống lành mạnh, hoà đồng và gắn kết với xã hội để cơ thể luôn trong trạng thái tốt nhất.

- Thành tựu đức tin (saddhā-sampada), có niềm tin sâu sắc vào Phật pháp. Lòng tin nương theo trí huệ, là sự đặt trọn vẹn niềm tin vào lời của Phật, Bồ Tát và chư vị Tổ Sư đã dạy trong kinh điển. Sự thuần khiết của lòng tin này tạo ra vô lượng vô biên công đức. Nó có công năng che chở, dẫn dắt, khiến chúng ta an lạc trên đường đời lẫn đạo; giúp ta tránh xa được mọi ma sự và chướng ngại do nghiệp chướng gây ra.

- Thành tựu giới đức (sila-sampada), gìn giữ nghĩa vụ đạo đức, những nghĩa vụ mà cá nhân phải hành động theo cách được coi là đúng đắn hoặc công bằng, thường dựa trên các nguyên tắc hoặc lý thuyết đạo đức. Mỗi cá nhân phải chịu trách nhiệm về hành động của mình và phải tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức nhất định, bất kể mong muốn hay hậu quả cá nhân. Trong bối cảnh của các lý thuyết đạo đức, nghĩa vụ đạo đức trở thành nền tảng để hiểu về quyền và trách nhiệm, ảnh hưởng đến cách mọi người tương tác với nhau và các quyết định họ đưa ra.

- Thành tựu bố thí (caga-sampada), người Phật tử có tâm từ tế độ, đem tiền của ra làm việc phước thí đến các bậc sa môn và kẻ bần cùng, bệnh tật v.v... tùy theo khả năng của mình, có tác ý thiện tâm trong sạch hoan hỷ trước khi bố thí, hoan hỷ đang khi bố thí, hoan hỷ sau khi đã bố thí xong.

- Thành tựu trí tuệ (panna-sampada), tích lũy trí tuệ. Hành giả nên có trí tuệ hợp trong mọi thiện pháp. Khi bố thí, thí chủ nên có đại thiện tâm hợp với trí tuệ đang khi bố thí. Cũng như vậy, hành giả nên có đại thiện tâm hợp với trí tuệ khi giữ giới, khi tiến hành thiền định (Samatha), khi tiến hành thiền tuệ (Vipassana).

7. *Kinh Adiya* và phép ẩn dụ về “người hai mắt”, đã đề cập đến cơ sở để nhìn thế giới thông qua cả kiến thức và thế giới quan của phương Tây và bản địa, một cách tiếp cận để nhìn thế giới “từ một con mắt với sức mạnh của cách hiểu biết của người bản địa, và nhìn từ con mắt kia với sức mạnh của cách hiểu biết của phương Tây, và sử dụng cả hai con mắt này cùng nhau”.

Nhiều người hiểu sai về đức tin Phật giáo, thường gắn liền tiền bạc hoặc của cải với sự bám víu hoặc tiêu cực, đặc biệt là khi xét đến lý tưởng xuất gia. Tuy nhiên, đối với những cư sĩ tại gia sùng đạo chứ không phải xuất gia, bản thân của cải không mang tính tiêu cực. Thực tế, trong *Kinh Adiya* (Adiya Sutta), Đức Phật đã nêu ra năm công dụng hữu ích của của cải, nhấn mạnh tiềm năng mang lại điều tốt đẹp. Suy cho cùng, rất khó để giúp đỡ người khác một cách có ý nghĩa nếu không có nguồn lực. Theo kinh điển, việc tích lũy của cải không bị coi là sai trái đối với người tại gia, miễn là nó được tạo ra một cách có đạo đức và được sử dụng một cách chính đáng. Ví dụ, để hỗ trợ người khác và không gây hại.

8. *Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt* (Sigàlovàda Sutta) còn gọi là *Kinh Lời Dạy Cho Người Tại Gia*, là một hướng dẫn chi tiết mà Đức Phật dành cho những người sống đời thường. Bài kinh này dạy chúng ta về bốn phận, trách nhiệm và cách xây dựng các mối quan hệ dựa trên sự tôn trọng và đạo đức. Một cuộc sống hài hòa không chỉ đến từ việc đạt được mục tiêu cá nhân, mà còn từ cách chúng ta đối xử với gia đình, bạn bè và cộng đồng.



Hình minh họa tạo bởi AI

Những bài học quan trọng từ Kinh Giáo Thọ Thi-ca-la-việt:

1. Bốn phận với cha mẹ: Biết ơn, hiếu kính và chăm sóc.
2. Đối xử với bạn bè: Thành thật, trung thành, không lợi dụng.
3. Quan hệ với thầy cô: Tôn kính và học hỏi không ngừng.
4. Đối với nhân viên/cộng sự: Công bằng, chăm lo phúc lợi.
5. Giữ mối quan hệ với bạn đời: Chung thủy, tôn trọng, và yêu thương.

Đức Phật dạy rằng, sống đúng không chỉ mang lại sự hòa thuận mà còn giúp xã hội phát triển bền vững.

9. Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hống (Cakkavatti-Sīhanāda Sutta): Một trong những bài kinh quan trọng thuộc Trường Bộ Kinh (Dīgha Nikāya), bản kinh thứ 26. Bài kinh này truyền tải các giáo huấn sâu sắc về cách trị quốc theo Chính Pháp, khuyến khích sự tu dưỡng cá nhân và xã hội để hướng đến hòa bình và thịnh vượng. Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hống (Cakkavatti-Sīhanāda Sutta) không chỉ mang giá trị về triết lý chính trị và xã hội, mà còn là một lời cảnh tỉnh về sự quan trọng của tu dưỡng cá nhân và sống theo Chính Pháp. Đây là một bài pháp đầy ý nghĩa, khuyến khích mọi người hướng đến sự giác ngộ, an lạc, và phát triển bền vững cho bản thân và xã hội.

10. Kinh Tạng (Sutta Pitaka) là một trong ba bộ phận chính của Tam Tạng Kinh Điển (Tipitaka) trong Phật giáo Nguyên Thủy. Đây là bộ sưu tập các bài kinh do chính Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết giảng. Kinh Tạng chứa đựng những lời

dạy quý báu, giúp người tu hành hiểu rõ về con đường tu tập, giải thoát và giác ngộ.

Trong bài kinh này, Đức Phật cảnh báo về cạm bẫy của sự giàu sang và xa hoa, nhấn mạnh khả năng gây ra đau khổ của chúng. Câu chuyện kể rằng: Tại Savatthi là kinh đô của nước Kosala, một trong sáu thành phố lớn và sầm uất bậc nhất vào thời Đức Phật, Quốc vương Pasenadi, vua xứ Kosala. Ông sống cùng thời với Đức Phật và có những hỗ trợ tích cực đối với Đức Phật và Tăng đoàn ngồi xuống một bên, bạch Đức Phật: *“Bạch Đức Thế Tôn, khi con đang tĩnh tâm, suy nghĩ này chợt nảy ra trong đầu: Ít có chúng sinh nào trên thế gian này, khi có được tài sản xa hoa, lại không buông thả và phóng dật, không tham lam dục lạc, không làm điều sai trái cho người khác. Còn có nhiều người hơn nữa, khi có được tài sản xa hoa, lại buông thả và phóng dật, buông thả và làm điều sai trái cho người khác”*.

Đức Phật nói: *“Đúng vậy, thưa đại vương. Đúng vậy. Đây lòng ham muốn tài sản và lạc thú, tham lam, say mê dục lạc, họ không nhận ra rằng mình đã đi quá xa, giống như con nai sa vào bẫy giăng sẵn. Sẽ rất cay đắng về sau, vì kết cục sẽ rất tệ cho họ”*.

Những lời dạy ít ỏi này từ Kinh điển thuộc ngôn ngữ Pāli minh họa cách tư tưởng Phật giáo mang đến một khuôn khổ vượt thời gian cho đời sống kinh tế đạo đức và bền vững, bắt nguồn từ lòng từ bi, sự điều độ và chính niệm.

Lời Phật dạy về đời sống kinh tế

Dựa trên những bài Kinh điển thuộc ngôn ngữ Pāli cốt lõi đã đề cập ở trên, một số điểm được thảo luận ở đây.

1. Tiết độ và Đơn giản

Kinh điển thuộc ngôn ngữ Pāli khuyến khích lối sống Biết đủ (tri túc), sự nhận thức sâu sắc về những gì mình thật sự cần, từ đó tránh rơi vào vòng xoáy của ham muốn vô độ. Một cuộc sống giản dị, hài lòng được xem là có lợi hơn cho hạnh phúc và sự bình an nội tâm.

2. Bố thí và Từ bi

Triết lý đạo Phật nhấn mạnh nhiều lần việc bố thí và chia sẻ tài sản với những người thiếu thốn. Bố thí nuôi dưỡng ý thức cộng đồng và giúp xây dựng một xã hội công bằng và hòa hợp hơn.

3. Sinh kế đạo đức

Đức Phật chủ trương sinh kế chân chính, bao gồm việc làm lương thiện, đạo đức và có lợi cho người khác. Nguyên tắc này không khuyến khích các nghề nghiệp gây tổn hại hoặc bóc lột chúng sinh. Cụ thể, nguyên tắc này cấm tham gia vào các ngành nghề liên quan đến buôn người, giết hại động vật, buôn bán vũ khí, lạm dụng chất gây nghiện như các loại ma túy, rượu, thuốc lá và những chất độc nguy hiểm đến sức khỏe con người.

4. Siêu thoát và Chính niệm

Triết lý đạo Phật khuyến khích một mối quan hệ chính niệm với của cải vật chất, nhận thức được tính vô thường của chúng và những nỗi khổ niềm đau có thể phát sinh từ hành động bám víu quá mức, phụ thuộc quá nhiều vào người khác, đôi khi thể hiện qua sự lo lắng thái quá hoặc tình cảm quá mức.

5. Bồi dưỡng Hạnh phúc Chân chính

Thay vì đánh đồng sự giàu có với thành công, triết lý đạo Phật khuyến khích việc theo đuổi sự an lạc nội tâm và sự mãn nguyện như là nguồn gốc thực sự của hạnh phúc.

6. Tạo ra Tài sản và Quản lý Tài chính

Đức Phật dạy rằng người ta nên siêng năng làm việc và tự hào về công sức của mình. Ngài ví cách tiếp cận của người trí đối với tài sản như cách những con ong chăm chỉ thu thập mật hoa cho đến khi tích lũy đủ, giống như một tổ kiến sinh sôi từng hạt một. Sự so sánh này mở đường cho một bài học sâu sắc hơn về cách quản lý tài sản cân bằng.

Khi đã kiếm đủ tiền để nuôi sống gia đình, đức Phật khuyên nên chia số tiền đó thành bốn phần theo Kinh Thi Ca La Việt (Sigalovada Sutta):

Một phần tư tài sản để chi tiêu cho cuộc sống. Làm ăn có tiền của thì phải tiêu xài, chăm sóc sức khỏe, lo ăn uống, mua sắm các tiện nghi để phục vụ cho đời sống. Tiện tặn, keo kiệt với bản thân và gia đình là điều không nên. Hai phần tư của khối tài sản cần để đầu tư sản xuất hoặc kinh doanh. Nếu không dành dụm để đầu tư sản xuất hoặc kinh doanh thì sẽ khó có cơ hội phát triển. Một phần tư tài sản còn lại được để dành phòng khi ốm đau hoặc bất trắc; một phần của khoản để dành này có thể đem cúng dường, bố thí, giúp người cùng với các chi phí giao tế khác.

Sử dụng tài sản do công sức và trí tuệ của mình làm ra theo cách phân chia làm bốn phần như trên thì tài sản của mình ngày càng tăng thêm, kinh tế gia đình vững mạnh và ổn định. Ngày nay, người đệ tử Phật sống trong xã hội hiện đại

thì quản lý và chi tiêu tài sản tuy có phần khác hơn nhưng căn bản thì vẫn dựa trên nền tảng lời Phật đã dạy. Do đó, khéo quản lý và giữ gìn tài sản do mình làm ra, thọ dụng, hưởng thụ, chi tiêu tài sản của mình để cuộc sống được an vui, hạnh phúc cũng là một trong những hạnh tu để ổn định và phát triển kinh tế gia đình, khiến cho cuộc sống an ổn và hạnh phúc, tạo nền tảng cho sự tu tập thăng hoa tâm linh, thành tựu giải thoát.

Kinh tế học Phật giáo

Thuật ngữ “*Kinh tế Phật giáo*” (Buddhist economics) lần đầu tiên được Giáo sư Ernst Friedrich Schumacher (1911-1977), nhà thống kê và kinh tế người Anh gốc Đức và tư tưởng lỗi lạc đặt ra trong tiểu luận “*Kinh tế Phật giáo*” (Buddhist economics) của ông, xuất bản lần đầu năm 1966 tại Châu Á:

Một cuốn cẩm nang, và được tái bản trong tuyển tập có ảnh hưởng lớn của ông, “*Nhỏ là đẹp: Kinh tế học đặt con người làm trọng tâm*” (Small Is Beautiful: Economics as if People mattered) được xuất bản lần đầu vào năm 1973. Kinh tế Phật giáo ưu tiên sự phát triển đạo đức và tâm linh hơn là tích lũy vật chất. Nó tập trung vào lối sống giản dị, bất bạo động và vun đắp sự bình an nội tâm.

Triết lý kinh tế này định nghĩa lại mục đích của lao động, nhấn mạnh các thực hành bền vững và thúc đẩy một lối sống cân bằng, từ bi. Thay vì tối đa hóa ham muốn, nó hướng đến việc thanh lọc tính cách và nuôi dưỡng mối quan hệ hài hòa với cả xã hội và môi trường.

Những đặc điểm chính của Kinh tế học Phật giáo

Dựa trên phân tích của Giáo sư Ernst Friedrich Schumacher, những điểm sau đây được trình bày:

1. Dành ưu tiên đạo đức và phát triển tâm linh

Kinh tế học Phật giáo nhấn mạnh sự phát triển cá nhân, phúc lợi cộng đồng và quản lý môi trường, tập trung mạnh mẽ vào sự phát triển tâm linh như một nền tảng cho một cuộc sống ý nghĩa.

2. Tái định nghĩa vai trò của lao động

Lao động không chỉ đơn thuần là phương tiện kiếm sống. Nó được xem là con đường để phát triển kỹ năng, nuôi dưỡng lòng khiêm nhường thông qua hợp tác, và đóng góp cho xã hội bằng cách sản xuất ra những hàng hóa và dịch vụ thiết yếu hỗ trợ một cuộc sống đúng đắn.

3. Tập trung vào lối sống giản dị

Triết lý này ủng hộ một lối sống cân bằng và bền vững, giảm thiểu tiêu dùng không cần thiết và khuyến khích sự hài lòng với những gì mình đang có.

4. Nhấn mạnh Bất bạo động và Từ bi

Kinh tế học Phật giáo đề cao bất bạo động đối với tất cả chúng sinh và môi trường. Nó ủng hộ tiêu dùng có đạo đức và các hoạt động bền vững thể hiện lòng từ bi và sự tôn trọng sự sống.

5. Thúc đẩy một cái nhìn toàn diện về hạnh phúc

Hạnh phúc được hiểu là không chỉ bao gồm của cải vật chất. Nó bao gồm sức khỏe tinh thần, cảm xúc và tâm linh, cùng với ý thức cộng đồng và sự kết nối với thế giới tự nhiên.

6. Từ bỏ chủ nghĩa vật chất thái quá

Việc theo đuổi của cải vật chất không được khuyến khích. Thay vào đó, trọng tâm là sự phát triển tâm linh, chính niệm và vun đắp sự bình an nội tâm.

7. Tập trung vào sự đủ đầy hơn là dư thừa

Kinh tế học Phật giáo đề cao việc đáp ứng các nhu cầu cơ bản và thúc đẩy cảm giác đủ đầy. Nó khuyến khích sự hài lòng và giảm bớt ham muốn tích lũy và dư thừa.

Kinh tế học Phật giáo so với Kinh tế hiện đại

Theo Giáo sư Ernst Friedrich Schumacher, từ góc nhìn Phật giáo, kinh tế học không chỉ là tiền bạc, thị trường hay của cải vật chất. Nó gắn liền sâu sắc với hạnh phúc của cá nhân, lành mạnh hoá xã hội và sự bền vững của môi trường tự nhiên. Kinh tế học Phật giáo nhấn mạnh rằng hoạt động kinh tế không nên gây hại cho bản thân hoặc người khác, đặc biệt nếu nó làm giảm chất lượng cuộc sống. Thay vào đó, nó thúc đẩy tiêu dùng có chính niệm, lựa chọn đạo đức và lối sống bền vững. Trọng tâm là đạt được một cuộc sống cân bằng và ý nghĩa thông qua sự giản dị, hợp tác và sử dụng tài nguyên có trách nhiệm. (Schumacher, 1975)

Mặt khác, kinh tế học hiện đại, đặc biệt là ở phương Tây, có xu hướng ưu tiên tăng trưởng kinh tế, hiệu quả và tối đa hóa sản xuất và tiêu dùng. Kinh tế học này hoạt động trong một hệ thống thị trường, nơi các cá nhân được cho là hành động vì lợi ích cá nhân để tối đa hóa tiện ích cá nhân. Các nguyên tắc cốt lõi

của kinh tế học hiện đại bao gồm lý thuyết lựa chọn hợp lý, quy luật cung cầu, và niềm tin rằng thị trường tự do là cách hiệu quả nhất để phân bổ nguồn lực. Thành công thường được đo lường bằng các chỉ số như Tổng sản phẩm quốc nội (GDP), và các chính sách kinh tế thường hướng đến việc tăng sản lượng, thương mại và tiến bộ công nghệ.

Một trong những khác biệt chính giữa hai cách tiếp cận này nằm ở quan điểm của họ về tiêu dùng và ham muốn. Kinh tế học Phật giáo khuyến khích việc giảm bớt những ham muốn không cần thiết và tập trung vào những nhu cầu thiết yếu, trong khi kinh tế học hiện đại thường coi việc tăng tiêu dùng là cần thiết cho tăng trưởng kinh tế. Về quy mô, kinh tế học Phật giáo ủng hộ các nền kinh tế địa phương sử dụng tài nguyên địa phương và thúc đẩy tái chế và tái sử dụng, trong khi kinh tế học hiện đại có xu hướng ưu tiên sản xuất quy mô lớn và thương mại toàn cầu vì hiệu quả và lợi nhuận.

Ngoài ra, kinh tế học Phật giáo còn nhấn mạnh vào trách nhiệm xã hội và tính bền vững của môi trường. Kinh tế học Phật giáo ủng hộ các hành động phát triển bền vững là hành trình của lòng từ bi và sự tỉnh thức, không bóc lột và mang lại lợi ích cho tất cả chúng sinh. Mặt khác, kinh tế học hiện đại thường ưu tiên hiệu quả và tăng trưởng ngắn hạn, đôi khi bỏ qua những hậu quả lâu dài đối với cộng đồng và hệ sinh thái.

Cuối cùng, trong khi kinh tế học hiện đại được thúc đẩy bởi cạnh tranh, tăng trưởng và tích lũy, kinh tế học Phật giáo lại đề cao một cách tiếp cận toàn diện và đạo đức hơn. Kinh tế học Phật giáo không chỉ hướng đến sự giàu có về vật chất, mà còn hướng đến sự bình yên nội tâm, hòa hợp xã hội và cân bằng sinh thái. Mục tiêu không chỉ là phát triển kinh tế, mà còn là nâng cao chất lượng cuộc sống tổng thể cho cá nhân và xã hội theo hướng bền vững và từ bi. (Trích dẫn: <https://thereader.mitpress.mit.edu> The MIT pressreader)

Hình dung một mô hình kinh: Ưu tiên hạnh phúc hơn vật chất

Phân tích và diễn giải trong mục này được thực hiện dựa trên các kinh điển và nguyên tắc cốt lõi của Phật giáo.

Nguyên tắc cốt lõi

Sự giàu có bên trong và bên ngoài

Khai thác từ triết lý đạo Phật, một mô hình coi trọng những phẩm chất giàu có bên trong như lòng từ bi, trí tuệ, chính niệm và sự bình thản hơn là mãi mê việc

theo đuổi vật chất.

- Sinh kế đúng đắn (Chính Mạng)

Công việc phải có đạo đức, không gây hại và đóng góp cho phúc lợi xã hội. Điều này phù hợp với Bát Chính Đạo của Phật giáo, trong đó Sinh kế đúng đắn (Chính Mạng) là điều thiết yếu.

- Bố thí (lòng hào phóng)

Hành động hiến tặng vật chất, năng lực hoặc trí tuệ cho người khác (Bố thí) là cốt lõi của thực hành Phật giáo. Nền kinh tế Phật giáo khuyến khích sự bố thí tự nguyện, khuyến khích cá nhân và tổ chức chia sẻ tài nguyên theo cách nâng cao tinh thần cộng đồng và xây dựng sự hòa hợp cộng đồng.

- Bền vững

Quản lý môi trường là yếu tố sống còn. Một mô hình hỗ trợ các hoạt động tôn trọng giới hạn sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học và đảm bảo tài nguyên cho các thế hệ tương lai.

- Chủ nghĩa Tối giản, sự Hài lòng Tối đa

Hạnh phúc thực sự đến từ sự hài lòng và tiêu dùng có ý thức, chứ không phải từ việc tối đa hóa sản lượng. Mục tiêu là đáp ứng nhu cầu, chứ không phải thỏa mãn những ham muốn vô tận.

- Cộng đồng hơn Cạnh tranh

Nhấn mạnh hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau và chia sẻ thịnh vượng, chuyển từ cạnh tranh khốc liệt sang một nền kinh tế nhân ái và bao trùm hơn.

- Sản xuất và tiêu thụ nội địa

Thúc đẩy nền kinh tế địa phương tự chủ, giảm thiểu tác động môi trường và tăng cường khả năng phục hồi bằng cách tập trung vào chuỗi cung ứng địa phương và sản xuất dựa vào cộng đồng.

- Thực hành Kinh doanh Đạo đức

Khuyến khích các doanh nghiệp hành động như những người quản lý lợi ích công cộng, đề cao tính minh bạch, công bằng và trách nhiệm với môi trường.

- Các mô hình kinh tế tuần hoàn

Hỗ trợ các doanh nghiệp hợp tác xã, doanh nghiệp xã hội và các mô hình cộng đồng, thách thức chủ nghĩa tư bản chạy theo lợi nhuận bằng các hệ thống công bằng hơn, thúc đẩy sản xuất trong nước thay vì nhập khẩu hàng xa xỉ.

- Tiêu dùng Bền vững

Ủng hộ tiêu dùng có ý thức, giảm thiểu rác thải thông qua tái sử dụng, sửa chữa và mua sắm chu đáo, phù hợp với các giá trị đạo đức và môi trường.

Lợi ích tiềm năng

1. Nâng cao hạnh phúc

Chuyển trọng tâm sang phát triển nội tâm và lối sống đạo đức có thể làm tăng sự hài lòng với cuộc sống và sự hòa hợp xã hội.

2. Bền vững về môi trường

Các thực hành bắt nguồn từ chính niệm và sự điều độ tự nhiên sẽ dẫn đến việc giảm thiểu dấu chân sinh thái, một thước đo nhu cầu về các diện tích đất, nước có khả năng cho năng suất sinh học cần thiết để cung cấp thực phẩm, gỗ cho con người, bề mặt xây dựng cơ sở hạ tầng, diện tích hấp thụ CO₂, khả năng chứa đựng và đồng hóa chất thải.

3. Giảm bất bình đẳng

Việc nhấn mạnh sự công bằng và hào phóng giúp phân phối lại của cải và giảm chênh lệch kinh tế xã hội.

Những thách thức khi triển khai

- Hội nhập Toàn cầu

Việc áp dụng mô hình này trên quy mô lớn là rất khó khăn trong một thế giới toàn cầu hóa, chạy theo lợi nhuận và bị chi phối bởi các giá trị tiêu dùng.

- Sự phản đối từ hệ thống đã được thiết lập

Những người hưởng lợi từ hệ thống hiện tại có thể phản đối sự thay đổi, vận động hành lang chống lại các chính sách đe dọa lợi ích của họ.

- Đo lường Thành công

Các chỉ số kinh tế truyền thống như Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) là không đủ. Cần phải áp dụng các chỉ số mới như Tổng Hạnh phúc Quốc gia (Gross National

Happiness - GNH), chỉ số phúc lợi xã hội hoặc chỉ số sức khỏe sinh thái.

Kết luận

Trong Phật giáo, việc trở thành một người giàu có không có gì đáng xấu hổ, miễn là của cải được tích lũy một cách có đạo đức. Trong thế giới ngày nay, nhiều cá nhân giàu có thành lập các quỹ và hoạt động từ thiện mang lại lợi ích cho hàng triệu người. Tuy nhiên, của cải có được bằng những phương tiện phi đạo đức, đặc biệt là khi nó gây hại cho người khác, sẽ tạo ra nghiệp (kamma) tiêu cực sâu sắc. Việc theo đuổi của cải cũng có thể trở thành nguồn gốc của sự vướng mắc, điều này chắc chắn dẫn đến đau khổ.

Giống như hầu hết các hiện tượng trần tục, không phải đối tượng của sự vướng mắc (trong trường hợp này là của cải) vốn dĩ mang tính tiêu cực, mà chính là bản thân sự vướng mắc. Nếu một người có thể tích lũy của cải một cách chính đáng và sử dụng nó một cách khôn ngoan, không bám víu vào nó, thì của cải tự nó không phải là nguyên nhân dẫn đến sự suy thoái. Duy trì Chính Mạng (Sinh kế Đúng đắn), một nguyên lý của Bát Chính Đạo, bao gồm việc tham gia vào những công việc không gây hại và góp phần mang lại hạnh phúc cho người khác. Nguyên lý này khuyến khích việc hỗ trợ các doanh nghiệp có đạo đức, bền vững và có mục đích, đồng thời thúc đẩy các hệ thống kinh tế ưu tiên sự công bằng, phẩm giá và quản lý môi trường.

Tóm lại, một nền kinh tế lấy cảm hứng từ Phật giáo đang thách thức nền tảng của tư duy kinh tế chính thống bằng cách đặt đạo đức, hạnh phúc và tính bền vững lên hàng đầu, thay vì sự ràng buộc và tiêu dùng. Mặc dù việc triển khai rộng rãi có thể khó khăn, nhưng ngay cả việc áp dụng một phần các nguyên tắc này ở các khu vực như một khu vực chính quyền địa phương, hoặc một khu vực chính quyền vùng, cũng có thể cải thiện đáng kể chất lượng cuộc sống, tính toàn vẹn môi trường và công bằng xã hội. Đây là một ví dụ điển hình cho phần còn lại của thế giới noi theo.

Các nhà kinh tế học đương đại nên bắt đầu ưu tiên các thước đo như Tổng Hạnh phúc Quốc gia (GNH) hoặc các chỉ số phúc lợi tương tự. Các nhà hoạch định chính sách và nhà nghiên cứu cần chuyển trọng tâm từ việc chỉ đơn thuần gia tăng của cải vật chất sang giải quyết những thách thức về thể chất và tinh thần mà nhân loại đang phải đối mặt.

Hoạch định kinh tế nên nhấn mạnh vào tái tạo sinh thái hơn là sự thịnh vượng vật chất, và hỗ trợ sự phát triển của kinh tế sinh thái dựa trên các nguyên tắc không gây hại.

Tác giả: **Tiến sĩ Reena Tuladhar**/Việt dịch: **Sa môn Lê Văn Phước**

Nguồn: www.nepjol.info

Tài liệu tham khảo:

Alexandrin, G and Dhammajoti, B (2015) Basic elements of buddhist economics, Sri Lanka Journal of

Economic Research, Vol 3, No. 2, Matara: Sri Lanka forum of University Economists Claralynn R. Nunamaker. (2018) Buddhist teachings of the Pāli Canon and

Modern Capitalist Economics University of South Wales

Nepal Rastra Bank (2022/23) Macroeconomic and Financial Situation of Nepal (Based on Annual Data of 2022/23) Real Sector, Economic research department, Baluwatar, Kathmandu: Nepal Rastra Bank

Payutta, P.A. A middle-way for the market place, Bangkok: Buddha Dhamma Foundation, 1994

Schumacher, E.F. Small is beautiful, India: Rupa and co in association with Macdonald and co Ltd London and Sydney, 1973

World Bank Group. (2025), Nepal development update April Leveraging Resilience and implementing

Reforms for boosting economic growth,

Caroline Maniaque-Benton, buddhist economics, <https://thereader.mitpress.mit.edu> The MIT pressreader,

The MIT Pressreader, <https://thereader.mitpress.mit.edu/buddhist-economics>

Kinh điển thuộc ngôn ngữ Pāli:

Adiya Sutta, Anguttar Nikaya 5.41 Appaka Sutta, Sanyutta Nikaya 3.6 Ariyepariyesan Sutta, Majhima Nikaya 26

Cakkavatisinhanada Sutta, Digha Nikaya 26 Dighajanu Sutta, Anguttara Nikaya 8.54 Dhammacakkapavattana Sutta, Sanyutta Nikaya 56.11 Kutadanda Sutta, Digha Nikaya 5

Mangala Sutta, Khuddakanikaya, Khuddakapatttha, Sanyutta Nikaya 2.4

Muni Sutta, Sanyutta Nikaya 1.12 Parabhava Sutta, Sanyutta Nikaya 1.6
Sigalovada Sutta, Digha Nikaya 31